

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2026/HNGĐ-ST

Ngày 29-01-2026

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lý

Ông Phạm Thành Sinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Khánh Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngoan- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/20226/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986, Căn cước công dân số:; nơi cư trú: phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1983, Căn cước công dân số:; nơi cư trú: phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H và anh T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND thị trấn Minh Đức nay là phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh T. Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Trọng Hiên, sinh năm 2006, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. con chung Phạm Trọng Kiên, sinh năm 2015. Ly hôn chị H nhận nuôi cháu

Kiên, nếu anh T cũng muốn nuôi con chung Phạm Trọng Kiên thì chị H cũng đồng ý. Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung.

Bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Đồng ý với chị H về điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và con chung. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nên anh T cũng đồng ý ly hôn. Ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi con chung Phạm Trọng Kiên, sinh năm 2015. Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn T; giao con chung Phạm Trọng Kiên, sinh năm 2015 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn. Bị đơn hiện đang cư trú tại phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: **Chị H và anh T** kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Minh Đức nay là phường Bạch Đằng năm 2005, theo quy định

của Luật Hôn nhân và Gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị H và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Mâu thuẫn, gia đình và địa phương đã tiến hành hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Đến nay chị H xin ly hôn anh T cũng đồng ý. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Phạm Trọng Hiên, sinh năm 2006, và Phạm Trọng Kiên, sinh năm 2015. Cháu Hiên đã trưởng thành nên không giải quyết. Chị H và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét thấy hiện nay vợ chồng sống ly thân, con chung Phạm Trọng Kiên đang ở cùng với anh T và chị H cũng có ý kiến nếu anh T nhận nuôi con chung thì chị H cũng đồng ý. Vì vậy, để ổn định về việc học hành và nơi ở của cháu Kiên, cần giao con chung Phạm Trọng Kiên cho anh T trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị H và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T
2. Về con chung: Giao con chung Phạm Trọng Kiên cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000337 ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND cùng cấp;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND phường Bạch Đằng
(Giấy CNKH số 59/2005);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai